TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/DS-ST
Ngày: 07-02-2025
"V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự"
(giữa NH TMCP SG Thương Tín và bà Diễm)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Phụng

2. Ông Phạm Văn Tư

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Kim Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Ông Dương Cẩm Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** (gọi tắt là Ngân hàng); trụ sở: Số B - B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh V (theo Quyết định số: 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023)

Ông T ủy quyền lại cho: Ông Nguyễn Phú Q – Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ - Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh V; địa chỉ liên lạc: Số C, Đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (giấy ủy quyền số 612/2024/UQ-CNVL ngày 31/7/2024) (có đơn xin xét xử vắng mặt);

* *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Hồng D1**, sinh năm 1994; nơi cư trú: Số E, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 31/7/2024 và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Phú Q trình bày:

Ngày 08/9/2020, Ngân hàng có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1567792; điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với bà Trần Thị Hồng D1 để cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng thẻ là 15.000.000đồng; bà D1 được cấp thẻ tín dụng số 356480-1516, thời hạn thẻ 36 tháng, lãi suất trong hạn 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn; lãi suất áp dụng được công bố theo biểu phí trong từng thời kỳ, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, hình thức trả lãi và số tiền vay mỗi tháng vào ngày 22 dương lịch hàng tháng; để thực hiện Hợp đồng bà D1 có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận vào ngày 22 dương lịch hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 22/9/2020;

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng: Bà D1 đã giao dịch với tổng số tiền là 30.860.300đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà D1 đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền (bao gồm vốn, lãi, lãi phạt) là 27.660.956đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà D1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 22/4/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn tính đến ngày 22/4/2023 bà D1 còn nợ 17.687.262đồng.

Tại thời điểm 2023, lãi suất được điều chỉnh từ là 2.77%/tháng và bà D1 vi phạm, phát sinh nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất vay trong hạn. Đối với khoản nợ tính đến ngày 07/02/2025, bà D1 còn phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 33.758.139đồng; nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Nguyễn Phú Q yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà D1 trả 33.758.139đồng (trong đó, tiền nợ gốc 17.687.262đồng, tiền lãi quá hạn 16.070.877đồng); Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 08/02/2025 đến khi bà D1 trả hết nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1567792; điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) hai bên thỏa thuận.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Thẻ tín dụng số 356480-1516, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1567792, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngoài ra, còn có các tài liệu, chứng cứ cần thiết khác đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng bà D1 vắng mặt không có lý do dù được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do đó, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bị đơn không tham gia và không tiến hành hòa giải được với nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Ông Nguyễn Phú Q đại diện cho Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn xin vắng mặt, ông Nguyễn Phú Q yêu cầu bà D1 trả nợ cho Ngân hàng đến ngày xét xử sơ thẩm (07/02/2025) là 33.758.139đồng (trong đó: tiền nợ gốc 17.687.262đồng, tiền lãi quá hạn 16.070.877đồng);

- Bà Trần Thị Hồng D1 vắng mặt tại phiên tòa đến lần hai không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quy trình nhận đơn, thu thập chứng cứ của Thẩm phán đúng trình tự thủ tục tố tụng; về thời hạn xét xử đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; về Hội đồng xét xử thực hiện nguyên tắc xét xử đúng trình tự thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự được thực hiện nghiêm túc.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 100, 101, 103 của Luật Các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà Trần Thị Hồng D1 trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc, lãi và các loại phí là 33.758.139đồng và tiền lãi cùng phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày 08/02/2025 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

- Buộc bà Trần Thị Hồng D1 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà D1 trả 33.758.139đồng, bà D1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đơn đề nghị xử vắng mặt của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định đây là Hợp đồng vay tài sản bằng hình thức sử dụng thẻ tín dụng được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; bà D1 cư trú tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[2.1] Về tiền gốc: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1567792 với số thẻ 356480-1516 được ký giữa Ngân hàng và bà D1, Hợp đồng thể hiện thẻ phát hành số tiền 15.000.000đồng là có thật; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho bà D1 biết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và các thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà D1 vẫn vắng mặt; bà D1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng, chứng cứ nguyên đơn đưa ra để xác định yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà D1 trả tiền nợ gốc 17.687.262đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

[2.2] Về tiền lãi: Căn cứ Hợp đồng hai bên có thỏa thuận lãi suất, xét thấy sự thỏa thuận mức lãi của các đương sự không phụ thuộc vào Bộ luật Dân sự mà được điều chỉnh theo Luật Các tổ chức tín dụng, hai bên thỏa thuận lãi suất là tự nguyện nên căn cứ các Điều 100, 101, 103 và Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 12/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024) về việc Hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà D1 trả tiền lãi phát sinh từ ngày 22/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (07/02/2025) theo mức lãi thỏa thuận và được điều chỉnh tại Hợp đồng là có cơ sở chấp nhận, tiền lãi được chấp nhận là 16.070.877đồng, phù hợp Điều 23.2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[3] Về án phí: Ngân hàng yêu cầu bà D1 trả 33.758.139đồng, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu (05% của giá trị tranh chấp) là 1.688.000đồng; hoàn trả cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng các Điều 100, 101, 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 12/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024); áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Buộc bà Trần Thị Hồng D1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là 33.758.139đồng (trong đó: Tiền gốc 17.687.262đồng, tiền lãi quá hạn 16.070.877đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (08/02/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân) số hợp đồng: 1567792, ngày 08/9/2020; số thẻ là 356480-1516.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Trần Thị Hồng D1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 1.688.000đồng đồng (một triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng);

2.2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 727.000đồng (bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số N^{0} 0007300 ngày 11/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Kim Yến